TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST Ngày: 30-6-2021 *V/v "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trịnh Thị Lệ Hoa
Ông Nguyễn Văn Sở

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tỉnh L tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn", thụ lý số 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị M. D
Sinh năm: 1972
Địa chỉ: 129/5 Đường P khu phố N phường T thành phố T tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Phan T. K
Sinh năm: 1971
Địa chỉ: 129/5 Đường P khu phố N phường T thành phố T tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Lê Thị M. D trình bày: Sau gần một năm tìm hiểu, bà và ông K chung sống với nhau từ năm 1989. Đến năm 2003, bà và ông K đăng ký kết hôn. Do không tìm hiểu kỹ

và kết hôn khi tuổi đời còn trẻ nên vợ chồng chung sống không hòa hợp, ông K không quan tâm đến gia đình, bản thân bà phải tự lo cho chồng và con. Thời gian đầu, vì thương con còn nhỏ nên bà cố chịu đựng. Thế nhưng, càng về sau, vợ chồng càng mâu thuẫn trầm trọng, bà đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ ruột và có ý định ly hôn song khi nghĩ đến con thì bà tiếp tục chung sống cùng ông K. Khoảng bốn năm trở lại đây, ông K còn sử dụng ma túy, khi phát hiện, bà có khuyên can nhưng không có kết quả. Sau đó, do ông K bị bệnh, phải làm phẫu thuật nên bà vẫn hy vọng ông sẽ không sử dụng ma túy nữa. Thế nhưng, ông K vẫn không thay đổi. Vợ chồng vì việc đó mà bất hòa và ông K đã đuổi bà. Tình cảm vợ chồng không còn, sức chịu đựng của bà đã vượt quá giới hạn nên bà và ông K không chung sống cùng nhau từ tháng 02 năm 2021. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung, bà và ông K có ba người con chung, tên là Phan Lê Tuấn Phát, sinh ngày 31 tháng 3 năm 1990, Phan Lê Quang Huy, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1995 và Phan Lê Mỹ Uyên, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2009. Hai con trai đã thành niên, riêng Mỹ Uyên, do hiện tại, bà đang sống nhờ nhà người thân và do tính chất công việc nên không thể trực tiếp nuôi con, vì vậy, bà để ông K trực tiếp nuôi con, bà sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình.

Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phan T. K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình tố tụng. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết các vấn đề khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phan T. K và bà Lê Thị M. D là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông K và bà D không hòa hợp, nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là ông K không quan tâm đến gia đình, có hành vi sử dụng ma túy. Mặc dù, bà D đã cố gắng để giải quyết mâu thuẫn nhưng không kết quả. Không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại, bà Lê Thị M. D khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan T. K. Theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn Phan T. K vẫn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, ngày 31 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố T đã lập Biên bản về việc không kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được và Biên bản không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân thành phố T đưa vụ án ra xét xử, ông Phan T. K vắng mặt lần

thứ nhất tại phiên tòa ngày 14 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2021, ông K cũng không tham gia phiên tòa; Bà Lê Thị M. D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà D và ông K xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2003 nên áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình (năm 2000) để giải quyết về nội dung theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Ông Phan T. K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, thể hiện thái độ không quan tâm, mặc kệ hậu quả. Đồng thời, ông K cũng không có bất cứ hành vi nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, khó có khả năng để vợ chồng đoàn tụ. Tình trạng hôn nhân không hạnh phúc. Cho nên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về con chung, nguyên đơn và bị đơn có ba người con chung, tên là Phan Lê T.P, sinh ngày 31 tháng 3 năm 1990, Phan Lê Q. H, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1995 và Phan Lê M. U sinh ngày 29 tháng 5 năm 2009. Hai người con đã thành niên, riêng Phan Lê Mỹ Uyên, do hoàn cảnh hiện tại, bà D không có điều kiện để trực tiếp nuôi con nên bà để ông K trực tiếp nuôi con. Yêu cầu này của bà phù hợp với nguyện vọng của M. U, thể hiện tại văn bản viết tay do M. U viết ngày 02 tháng 6 năm 2021 nên Tòa án chấp nhận. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do ông K không tham gia tố tụng, không thể hiện ý kiến của mình nên Tòa án không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung, do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị M. D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2000), Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị M. D đối với ông Phan T. K.

Về con chung: Sau khi ly hôn, ông Phan T. K là người trực tiếp nuôi con chung, tên là Phan Lê M. U, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2009. Bà Lê Thị M. D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị M. D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở bà D thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về án phí: Bà Lê Thị M. D chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005322 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T tỉnh L) thành án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
-Chi cục thi hành án dân sự
-Các đương sự
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án

Phạm Thị Thanh Thảo